

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BÌNH MINH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc.

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI

Hôm nay vào lúc 15 giờ 00 ngày 10. tháng 02. năm 2025,
Tại phòng họp UBND xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh.

Thành phần gồm có:

- Ông (bà) Nguyễn Thanh Tuấn
- Ông (bà) Nguyễn Thị Kim Phụng
- Bà: Thành Thanh Nhân
- Bà: Trang Thị Xuân Hạnh
- Bà: Phạm Thị Ngọc Trâm

Chức vụ chủ tịch UBND xã
Chức vụ : CC Tài chính – kế toán
Chức vụ: CC VP-TK
Chức vụ: P.CT HĐND xã
Chức vụ: P.BT Đảng ủy xã

Tiến hành niêm yết Quyết định số 22. /QĐ-UBND, ngày 10. tháng 02. năm 2025, về việc công bố công khai dự toán ngân sách xã năm 2024 (có biểu mẫu số liệu kèm theo)

Lý do niêm yết: Thực hiện niêm yết theo quy định tại Thông tư 343/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016, về việc hướng dẫn công khai ngân sách nhà nước các cấp.

Địa điểm: UBND xã Bình Minh

Biên bản kết thúc vào lúc 16 giờ 00 cùng ngày, được đọc lại cho các bên nghe và đồng ý ký tên vào biên bản./.

Bình Minh, ngày 10. tháng 02. năm 2025

Người niêm yết

Nguyễn Thị Kim Phụng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BÌNH MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/QĐ-UBND

Bình Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai thực hiện dự toán năm 2024
của UBND xã Bình Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết 16/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của Hội đồng nhân dân xã Bình Minh về việc phê chuẩn phương án phân bổ thu, chi ngân sách xã năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND xã ngày 03 tháng 01 năm 2024 của UBND xã về việc phân bổ dự toán thu chi ngân sách năm 2024;

Xét đề nghị của Bộ phận tài chính xã Bình Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện quyết toán năm 2024 của UBND xã Bình Minh (có các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công chức văn phòng – Thống kê xã Bình Minh, Bộ phận tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính TP;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Các đoàn thể ở xã;
- Lưu: VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Tuấn

Tỉnh(TP): Tây Ninh
Huyện: Thành phố Tây Ninh
Xã(phường, thị trấn): UBND xã Bình Minh

Biểu số 114/CK TC -NSNN

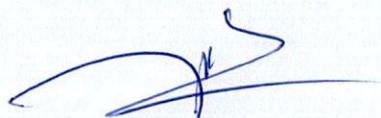
THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN		THỰC HIỆN NĂM 2024		SO SÁNH (%)	
	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
Tổng thu	1.350.000.000	8.060.628.000	1.614.969.577	14.414.022.179	119,63%	178,82%
I. Các khoản thu 100%	225.000.000	225.000.000	189.336.636	267.258.418	84,15%	118,78%
Phí, lệ phí	196.000.000	196.000.000	189.336.636	200.885.636	96,60%	102,49%
- Phí hộ tịch 2771			19.875.636	19.875.636		
- Lệ phí chứng thực 2716			32.649.000	32.649.000		
Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác 3901			65.400.000	65.400.000		
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định 4250,4300			71.412.000	11.311.000		
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định 4451				71.650.000		
- Đóng góp TN của các tổ chức cá nhân						
- Thu khác	29.000.000	29.000.000	66.372.782	66.372.782	228,87%	228,87%
+ Thu khác						
+ Thu tiền hoa lợi công sản đất công 3902						
+ Thu tịch thu đánh bạc						
+ Tiền nộp chậm thuế GTGT, TNDN, TNCN 4900			66.372.782	66.372.782		
+ Thu phạt ATGT 4252						
II. Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ phần trăm (%)	1.125.000.000	7.663.628.000	1.359.260.159	959.585.887	120,82%	12,52%
I. Các khoản thu phân chia	495.000.000	495.000.000	271.002.715	271.002.715	54,75%	54,75%
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (1603)	466.000.000	466.000.000	244.702.715	244.702.715	52,51%	52,51%
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình (1601)						
- Lệ phí môn bài thu từ hộ cá nhân, hộ kinh doanh 2850	29.000.000	29.000.000	26.300.000	26.300.000		
- Lệ phí trước bạ nhà đất 2800						
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	630.000.000	389.360.000	1.088.257.444	688.583.172	172,74%	176,85%
Thuế thu nhập cá nhân 1000	256.000.000	15.360.000	425.185.426	25.511.154	166,09%	166,09%

Thuế VAT 1700	374.000.000	374.000.000	663.072.018	663.072.018	177,29%	177,29%
Thuế TNDN 1050						
Thuế tài nguyên 1550						
Thu khác ngoài quốc doanh						
3. Hưởng do huyện thu xã hưởng		5.828.050.000		2.436.598.306		
Thuế GTGT 1701		3.727.500.000		577.841.110		
Thuế TNDN 1052		143.400.000		465.522.555		
Thuế TNCN 1000				250.290.117		
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (1603)				18.511.415		
Lệ phí trước bạ nhà đất 2800		1.957.150.000		1.048.219.947		
Lệ phí môn bài thu từ hộ cá nhân, hộ kinh doanh 2850				2.800.000		
Thu khác do chậm nộp thuế.. 4250, 4900				73.413.162		
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn		951.218.000		10.566.679.568		1110,86%
V. Thu kết dư ngân sách năm trước				0		
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		172.000.000		183.900.000		106,92%
- Bổ sung cân đối ngân sách						100,00%
- Bổ sung có mục tiêu		172.000.000		0		0,00%

Bộ phận tài chính, kế toán xã



Nguyễn Thị Kim Phượng

Bình Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH




Nguyễn Thanh Tuấn

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Ban hành kèm theo thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			THỰC HIỆN NĂM 2024			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	XDCB	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	XDCB	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	8.060.628.000	0	8.060.628.000	7.978.159.532		7.978.159.532	0,99		0,99
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN		0							
1	Chi sự nghiệp kinh tế	327.663.000		327.663.000	352.514.318		352.514.318	1,08		
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	7.578.286.000		7.578.286.000	7.625.645.214		7.625.645.214	1,01		1,01
1	Chi sự nghiệp xã hội	67.438.000		67.438.000	154.720.000		154.720.000	2,29		2,29
2	Chi sự nghiệp VH TT (KPKDC)	308.960.000		308.960.000	288.559.000		288.559.000	0,93		0,93
3	Kinh phí trung tâm VHHTCĐ	40.000.000		40.000.000	39.806.000		39.806.000	1,00		1,00
4	Chi sự nghiệp TDTT	11.700.000		11.700.000	8.020.000		8.020.000	0,69		0,69
5	Chi sự nghiệp môi trường	45.000.000		45.000.000	21.683.556		21.683.556	0,48		0,48
6	Chi QLNN	4.655.326.000		4.655.326.000	5.105.244.008		5.105.244.008	1,10		1,10
	- Chi QLNN	2.769.314.000		2.769.314.000	2.905.529.035		2.905.529.035	1,05		1,05
	- Đảng	773.136.000		773.136.000	898.737.230		898.737.230	1,16		1,16
	- MTTQ	396.416.000		396.416.000	249.956.605		249.956.605	0,63		0,63
	- Đoàn Thanh niên	119.000.000		119.000.000	211.023.849		211.023.849	1,77		1,77
	- Phụ nữ	127.000.000		127.000.000	212.003.200		212.003.200	1,67		1,67
	- Hội nông dân	152.000.000		152.000.000	219.142.536		219.142.536	1,44		1,44
	- Hội cựu chiến binh	131.000.000		131.000.000	220.937.810		220.937.810	1,69		1,69
	- Hội người cao tuổi- Chữ thập đỏ	187.460.000		187.460.000	187.913.744		187.913.744	1,00		1,00

7	Chi quốc phòng	922.769.000		922.769.000	1.069.747.440		1.069.747.440	1,16		1,16
8	Chi an ninh	1.167.464.000		1.167.464.000	959.548.766		959.548.766	0,82		0,82
9	Chi khác NS(YT,GD,DS,HMND)	34.629.000		34.629.000	0		0	0,00		0,00
10	Đào tạo khác trong nước									
11	Thông tin									
12	Chi 10% CCTL năm 2024	153.000.000		153.000.000	0					
13	Chi chuyển nguồn CCTL	-			0					
14	Chi BSMT	172.000.000		172.000.000						
III	Dự phòng	154.679.000		154.679.000	0			0,00		0,00
IV	Chi tạm ứng	-								

Kế toán



Nguyễn Thị Kim Phượng

Bình Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2025

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Tuấn

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN NĂM 2024	SỐ SÁNH %
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ THU	8.060.628.000	14.414.022.179	179
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	225.000.000	267.258.418	119
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	884.360.000	959.585.887	109
3	Thu bổ sung	172.000.000	183.900.000	107
	- Thu BSCĐ			
	- Thu BSCMT	172.000.000	183.900.000	107
4	Huyện thu xã hưởng	5.828.050.000	2.436.598.306	42
IV	Thu chuyển nguồn	951.218.000	10.566.679.568	1.111
	TỔNG SỐ CHI	8.060.628.000	7.978.159.532	99
1	Chi đầu tư phát triển	0		
2	Chi thường xuyên	7.905.949.000	7.978.159.532	101
3	Dự phòng	154.679.000		

Bình Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2025
TM.ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Kế toán

Nguyễn Thị Kim Phụng



Nguyễn Thanh Tuấn